



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

I) Basic identification data:

- Name: NGUYỄN - HỮU - MINH.
- Date of birth:
 - Before Apr. 1975: Oct. 6. 1951 (*)
 - After Apr. 1975: Oct. 6. 1949
- Place of birth: Đông-Hà, Cam-Lô, Quảng-Trị.
- Last rank: Second Lieutenant.
- Serial number: 71/607552.
- Military unit: 213 Squadron, 1st Air Force Division.
A.P.O. 3198
- After Apr. 30. 1975 in re-education camp from July 15. 1975 to December 26. 1976.
- Residence address: Nguyễn-Hữu-Minh, 237 Hạng-Trí, Quảng-Sơn, Ninh-Sơn, Thuận-Hải.
- Mailing address: Lê-Thị-Kim-Thư. 116/C Chung cư Vĩnh-Hội, Quận 4, Thành phố Hồ-Chí-Minh.
- Current occupation: Unemployed.

II)

A) Relative accompany with:

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	Relationship
1) Nguyễn-Thị-Hoà	Dec. 17. 1952	Đệ-Tú, Quảng-Trị	F	Wife
2) Nguyễn-Thị-Thục-Nhi	Feb. 5. 1976	Hạng-Trí, Quảng-Sơn	F	Daughter
3) Nguyễn-Hữu-Hà-Thư	Aug. 2. 1978	Sông-phá, Ninh-Sơn	M	Boy
4) Nguyễn-Thị-Quỳnh-Phương	Oct. 22. 1981	Hạng-Trí, Quảng-Sơn	F	Daughter
5) Nguyễn-Thị-Thảo-Quỳnh	May 10. 1987	Ninh-Sơn hosp.	F	Daughter

B) Complete family Listing.

Name	Address
1, Father: Nguyễn - Hữu - Sơn (Living)	Đội 3, Nông - Trường Cù Bị, - Công ty QPCS Đồng Nai.
2, Mother: Hân - Thị - Sen (Living)	Đội 3, Nông Trường Cù Bị; Công ty QPCS Đồng Nai.
3, Spouse : Nguyễn - Thị - Hoà (Living)	237 Hạng - Trí, Quảng Sơn, Ninh - Sơn, Thuận - Hải.
4) Children.	
(1) Nguyễn - Thị - Thục - Nhi (Living)	237 Hạng - Trí, Quảng - Sơn, Ninh - Sơn, Thuận - Hải.
(2) Nguyễn - Hữu - Hạ - Thu (Living)	237 Hạng - Trí, Quảng Sơn, Ninh - Sơn, Thuận Hải.
(3) Nguyễn - Thị Quỳnh - Phương (Living)	237 Hạng - Trí, Quảng Sơn, Ninh Sơn, Thuận - Hải.
(4) Nguyễn Thị Thảo Quỳnh (Living)	237 Hạng - Trí, Quảng Sơn, Ninh Sơn, Thuận - Hải.
5) Siblings	
(1) Nguyễn - Hữu - Thanh (Living)	Đội 3, Nông Trường Cù Bị, Công ty QPCS Đồng Nai.
(2) Nguyễn - Thị - Lý (Living)	E4 Đường - Công - Trường, Sài Gòn
(3) Nguyễn - Thị - Lài (Dead)	
(4) Nguyễn - Hữu - Quang (Living)	HTX 5 Sơn Mỹ, Hàm Tân, Thuận Hải
(5) Nguyễn - Hữu - Châu (Living)	Đội 3 Nông Trường Cù Bị, Công ty QPCS Đồng Nai.
(6) Nguyễn - Hữu - Phúc (Dead)	

III) Relative in the U.S.

- Name : Hân - Minh - Quang.
- Relationship: My uncle's son.
- Address :

IV) Service with RVNAF

- Name of person serving: Nguyễn-Huỳnh-Minh.
- Date from Dec. 27. 1969 to Apr. 30. 1975.
- Last rank: Second Lieutenant.
- Military unit: 213 Squadron, 1st Air Force Division,
Đà Nẵng A.F. Base.
- Name of supervisor/c.o.: Lieutenant Colonel Cao-Quang
Kerô (Squadron c.o.).
- U.S. training course in Viet Nam: The English course
from Sept. 1970 to Feb. 1971.
Place: Nha-Trang A.F. base Learning Center.

IV) Training in the United States.

- Name of student: W.O. Nguyễn-Huỳnh-Minh.
- School and school address:
 - 1) Lackland A.F. base, San Antonio, Texas: from Feb. 1971
to Mars 1971: English course and Academic.
 - 2) Fort Wolters, F. Worth, Texas: From Apr. 1971 to July
1971: TH-55 student pilot.
 - 3) Fort Hunter, Savannah, Georgia: From Aug. 1971 to
Feb. 1972: VH-1 student pilot.
- * My last class at F. Hunter named: CLASS 71-22

VI) Re-education of you or your spouse.

- Name of person in re-education: Nguyễn-Huỳnh-Minh
- Time in re-education: from July 15. 1975 to Dec. 26. 1976.

VII) Documents attached to this questionnaire:

- 1 release certificate (photocopy)
- 5 birth certificates
- 12 photos. + 2 I.D. cards (photocopy).
- 1 marriage certificate (photocopy).

VIII) Remarks:

- 1) During the war time, my date of birth was on
Oct. 6. 1951. This was done so to make my education
easy at school. After the Apr. 1975 event, however,
when I was in the re-education camp, the camp

cadre ordered me to correct my date of birth.
From then on, my date of birth has been Oct. 6, 1949.
Please note this point.

2) ALL of my papers Lost during the Apr.
30, 1975 event. So please check them up in the
files at the centers in the United States where
I had been trained.

3) In Viet Nam, the procedure of immigration
to settle in the United States along ODP it
must be LOI. In case my records have come
to ODP office, please solve my problem by
send me a LOI.

Thank you very much.

Quang Sơn November 30, 1988.



Nguyễn Hữu Minh.

Tỉnh Quảng-trị
 Thành phố
 Quận
 Xã
 Làng Phường Đệ-tứ

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

GIẤY KHAI SINH

Số hiệu 075



Tên họ người con mới sinh	NGUYỄN-THỊ-HÒA
Quốc tịch	Việt-nam
Con trai hay gái	Gái
Sinh ngày, tháng năm nào	Mười bảy tháng mười hai năm một ngàn chín trăm năm mươi hai (17.12.1952)
Sinh tại đâu Làng huyện Tỉnh nào	Phường Đệ-tứ Thị-Xã Quảng-trị
Tên họ, tuổi, nghề nghiệp sanh quán, chánh quán, và chỗ ở của người cha chỉ cha mẹ có giá thú hợp pháp hay tuy không có giá thú hợp pháp nhưng người cha khai nhận đứa mới sinh là con mình thời khoản này mới phải kê khai	Nguyễn-văn-Huê 28 tuổi, lính, sanh quán chánh quán Phước-Môn, Hải-Lăng, Quảng-Trị hiện ở tại Phường Đệ-tứ Thị-Xã Quảng-trị.
Tên họ tuổi nghề nghiệp sanh quán chính quán và chỗ ở của người mẹ nếu người khai không biết mẹ đẻ con mới sanh là ai thời khoản này đề tụng.	Lê-thị-Hoài 37 tuổi nội trợ sanh quán chánh quán Nại cứu, Thị Triệu-Phong, Quảng-trị hiện ở tại Phường Đệ-Tứ Thị-Xã Quảng-trị.
Họ thứ của người mẹ. Nếu cha mẹ có giá thú hợp pháp thì kê bên này vợ chánh, kẻ hay vợ thứ.	Vợ chánh
Tên họ tuổi, nghề nghiệp sanh quán chánh quán và chỗ ở của người hay những người khai.	Nguyễn-văn-Huê 28 tuổi lính sanh quán chánh quán Phước-môn Hải-Lăng Quảng-trị hiện ở tại Phường Đệ-tứ Thị-Xã Quảng-trị.

là chưa hề lược hiệu án tào
 sửa giấy khai này lại hoặc đề
 biên các cuộc chú các.

Tên họ, tuổi, nghề nghiệp sanh quán
chánh quán và chỗ ở, người làm
chứng thứ nhất.

Hồ-Túc 76 tuổi làm ruộng sanh
quán chánh quán và chỗ ở Thạch-
hàn Thị-Xã Quảng-trị.

Tên họ, tuổi, nghề nghiệp sanh quán
chánh quán và chỗ ở, người làm
chứng thứ nhì.

Võ-Phụ, 60 tuổi làm ruộng sanh
quán chánh quán và chỗ ở Thạch-
hàn thị-Xã Quảng-trị.

Giấy khai này làm tại Phường Đệ-tả Thị-lã Quảng-trị
ngày hai mươi tháng mười hai năm một ngàn chín trăm năm
mười hai.

NGƯỜI KHAI

Ký: Nguyễn-văn-Hue

Người làm chứng thứ nhất (1)

Ký: Hồ-Túc

Người làm chứng thứ hai (2)

Ký: Võ-Phụ

Ủy viên Hộ-tịch

Ký tên không rõ

CHIAN THAT

CHAM-CHIEU SẮC-LỆNH SỐ
SL/NV. NGÀY. 1-12-71 CỦA THỦ-TƯỚNG
CHÍNH-PHỦ VNCH KHỎI-THỊ-THỰC
THỊ-KÝ CỦA XÃ-TRƯỞNG UBHC

Quảng-trị, ngày 04 tháng 12 năm 1963

Đại-diện UBHC Xã Quảng-trị

TRƯƠNG-LƯƠNG (ký tên và đóng dấu)

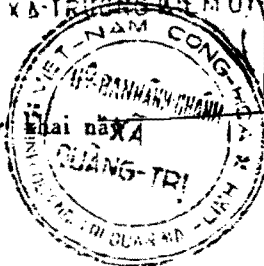
PHỤNG TRÍCH LỤC

Ủy-viên Hộ tịch

SAO-Y

QUẢNG-TRỊ, ngày 24/4/1973
XÃ-TRƯỞNG KIỂM-ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Khoản trống để công nhận các chỗ sửa trong tờ



NGUYỄN-VĂN-TIỂU

PHẢI BIẾT.— Chỗ không dùng phải kéo một nét mực.

I.— Chỗ này U.V.H.T. phải biên tên, họ người đã ký ở bản chính trong sổ không
phải ký chỗ này.

ỦY BAN NHÂN DÂN
Phường, Xã Quảng Sơn
Huyện, Thị Am Sơn
TỈNH THUẬN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHAI SINH

Số 1392

Quận 5 - 01



Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Huệ, Hằng</u>		Nam, nữ	<u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>22.10.1981</u> (<u>ngày khai sinh tại Trung tâm đông sản ở gần chợ tỉnh tại miền Bắc</u>)			
Nơi sinh	<u>Hà Nội, Trì, Quảng Sơn, Am Sơn, T. Hải</u>			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Hữu Minh</u> <u>6.10.1949</u>	<u>Nguyễn Thị Hoa</u> <u>17.12.1952</u>		
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>		
Nghề nghiệp	<u>Làm rẫy, Hà Nội</u>	<u>Giáo viên, Trung tâm</u>		
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Quảng Sơn, Am Sơn, T. Hải</u>	<u>Trung tâm cấp 1, 2, 3, Sơn</u>		
Họ tên tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	<u>Nguyễn Hữu Minh, Hà Nội, Trì, Am Sơn, T. Hải</u> <u>Grady CAMD 00</u> <u>260334316</u>			

CHỖ THỰC SẴO 9 BAN CHỈNH
Ngày 22.10.1981
TH UBND xã Quảng Sơn
Nguyễn Ngọc Trúc
Đang ký tên và đóng dấu

Đang ký ngày 31 tháng 10 năm 1981
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)
TH UBND xã Quảng Sơn
Nguyễn Ngọc Trúc
(Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn Quảng Sơn
Thị xã, Quận Hải Sơn,
Thành phố, Tỉnh Quảng Ngãi

No : HT2/P3



BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

SD: 2752

Quyển số : 3

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Thị Thảo - Dương		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng năm	10.5.1987 (Ngày mùng 10 tháng 5 năm một chín tám bảy)			
Nơi sinh	Bến Tre, NML, Sơn			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ tên tuổi hoặc) ngày tháng năm sinh)	Nguyễn Hữu Minh 1949		Nguyễn Thị Hoa 1952	
Dân tộc	KML		KML	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Nông		Giáo viên	
Nơi ĐKNK thường trú	237/18 Hẻm Trĩ Quảng Sơn, NML, Sơn		Thị trấn Quảng Sơn B	
Họ tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Hữu Minh, CMND số 26033 4516. Địa chỉ: 237/18 Hẻm Trĩ, Quảng Sơn, NML, Sơn, Bến Tre - Hẻm			

Ngày 3 tháng 2 năm 1964
 TM. UBND *CS* hy tôn đồng chí
N Chủ tịch

(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Phó chủ tịch
Lê Xá (Đã nghỉ)



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3



Xã, Thị trấn Quảng Sơn
Thị xã, Quận An Sơn
Thành phố, Tỉnh Quảng Hải

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 47

Quyển số 01

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Nguyễn Hữu Hà -escu</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>02-08-1978 (Ngày Hai, tháng tám, năm một chín bảy tám)</u>		
Nơi sinh	<u>Cộng xã Sông Pha, An Sơn, Quận Hải</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Hữu Minh</u> <u>1949</u>	<u>Nguyễn Thị Hà</u> <u>1952</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Biệt - Nam</u>	<u>Việt - Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Nông</u>	<u>Giáo - viên</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Tân Mỹ, Hầm Tân, T. Hải Hạng, Trĩ, Q. Sơn</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Thị Hà 1952 Trĩ tại Hạng Trĩ, Quảng Sơn, An Sơn, Quận Hải</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 10 năm 1978

TM/UBND Xã Quảng Sơn ký tên đóng dấu



Đăng ký ngày 6 tháng 10 năm 1978

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UBND xã Quảng Sơn

Chị - Thị

Trần Mai

(Ký tên và đóng dấu)



GIẤY KHAI SINH

58 521

Quyển số... 42

[illegible]

Họ và tên	Nguyễn Thị Thực - Nữ		Nam, nữ
Sinh ngày tháng, năm	05-02-1996 Ngày năm, tháng hai năm một nghìn bảy trăm		
Nơi sinh	Hải Trì, Quảng Sơn, An Sơn, Hải		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn Hữu Minh 1949	Nguyễn Thị Hoa 1952	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Viet Nam	Viet Nam	
Nghề nghiệp	Nông	Giáo viên	
Nơi ĐKNK thường trú	Hải Trì, Quảng Sơn	Cấp 1, 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 32, 34, 36, 38, 40, 42, 44, 46, 48, 50, 52, 54, 56, 58, 60, 62, 64, 66, 68, 70, 72, 74, 76, 78, 80, 82, 84, 86, 88, 90, 92, 94, 96, 98, 100	
Họ tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	Nguyễn Hữu Minh, sinh năm 1949. Hải Trì, Quảng Sơn, An Sơn, Hải		

MẬT THỰC SẴO Y BẢN CHINH

Ng 1984

T.M. HUSNO KHAN Quraishi

W. K. K.

Frank Lloyd

Being - That - Rf. 2.

Đã ng. Ký ngày 17 tháng 11 năm 1979

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

TM/UB NĐ xã Quảng Sơn

Ch. 1 - 100

Travis M. A. U.

(Chữ ký tên và đóng dấu).



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **280334316**

Họ tên: **NGUYỄN HỮU MINH**

Sinh ngày: **06-10-1949**

Nguyên quán: **Sơn Lộc, Duy
xuyên, Quảng Nam-Đà Nẵng**

Nơi thường trú: **Quang Sơn,
An Sơn, Thuận Hải.**

Dân tộc: **kinh**..... Tôn giáo: **thiên chúa**.....



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi cách 2cm
trên trước đuôi lông
mày phải.



NGÓN TRỎ PHẢI





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **280394886**

Họ tên **NGUYỄN THỊ HÒA**

Sinh ngày **17-12-1952**

Nguyên quán **Triệu hai,**

Bình trị, thiên.

Nơi thường trú **Quang sơn,**

An sơn, Thuận hải.

Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **thiên chúa**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm cách 2cm
trên sụn dưới mắt
phải.

Ngày 29 tháng 9 năm 1979

KY/ĐIỂM ĐÓC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
PHÓ TRƯỞNG TY

Tu Hiep
Thịm Thành Linh

NGON TRỐ TRAI

NGON TRỐ PHẢI

ĐƠN VỊ
Tổng trại
Số 70. CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

GIẤY PHÒNG THÍCH

Họ và tên

NGUYỄN HỮU MINH

Bí danh

Ngày tháng năm sinh 06-10-1949 (1951)

Nguyên quán Sơn Lộc, Duy Xuyên, Quảng Nam.

Trú quán hiện nay Cam thảo, Cam Mỹ, Hàm Tân, Thuận Hải

Ngày đi lính 27.12.1969

Đơn vị Phi đoàn 213 Không đoàn 51 chiến thuật FI/KQ

Số lính 71/607.552 cấp bậc Thiếu úy

Chức vụ Tiểu đoàn trưởng

Đã qua giáo dục từ ngày 15 tháng 7 năm 1975 đến
ngày 18 tháng 12 năm 1976 tại Trại 3 Tổng trại

Nay được phép trở về nơi cư trú hiện nay làm ăn theo
quyết định số 113 CT/Đ ngày 06 tháng 11 năm 1976
của Cục chính trị Quân Khu 5

Đề nghị Ủy ban nhân dân địa phương tiếp tục giáo dục
và xét quyền công dân theo quy định chung của nhà nước.

Đã kiểm tra tại lý
an huyện ngày 28/12/76



Lưu văn Tm

Ngày 26 tháng 12 năm 1976



Thiếu tá: Trình Các.

7H1 2
1H1

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHO NGƯỜI
GIỮ GIẤY THÔNG THÍCH**

1. Phải xuất trình Giấy thông thích và nộp giấy cam đoan cho chính quyền địa phương nơi cư trú hiện hành theo cách mang xã, phường nơi cư trú hiện hành.
2. Phải tuân theo luật lệ và độ quy định của các cấp chính quyền địa phương nơi cư trú.
3. Giấy này không được dùng để đi ra ngoài cho giấy thông hành. Đi đâu phải xin phép của chính quyền địa phương nơi cư trú.
4. Không để cho người khác dùng giấy này. Nếu bị mất phải báo ngay với chính quyền địa phương nơi cư trú để hủy bỏ.

Đã cấp tiền ăn, tiền tá túc, tiền đi lại, tiền đi nhà và mang theo các trạng phục được cấp phát.

1H1 25

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Quảng Sơn

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Ngày 13.12.1984

Huyện, Quận Minh Sơn

Số 147

Tỉnh, Thành phố Thuan Hai

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Nguyễn Hữu Minh

Nguyễn Thị Hoa

Bí danh

Sinh ngày tháng 06.10.1951

27.12.1952

năm hay tuổi

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Làm kỹ

Giáo viên

Nơi đăng ký Hành tá Quảng

Trường cấp I. II

nhân khẩu Sơn - Minh Sơn

Quảng Sơn - Minh Sơn

thường trú Thuan Hai

Thuan Hai

Số giấy chứng minh nhân dân: 260334316

260334886

hoặc hộ chiếu Lưu Nhật

Lưu Nhật

Đăng ký ngày 13 tháng 12 năm 1984

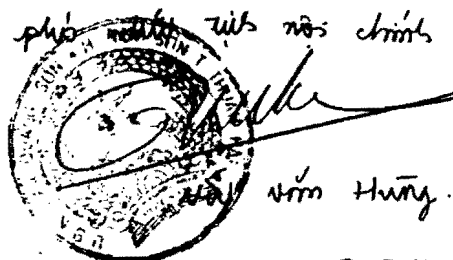
Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D. Xã Quảng Sơn

Minh

Hoa



- From: Nguyễn-Huân-Minh.
237 Mạnh-Trí, Quảng-Sơn,
Ninh-Sơn, Thuận-Hải.

- To: Mrs KHUÊ MINH THO.
PO Box 5435 Arlington.
A. 2205-0835. USA.

Kính thưa Bà.

Dựa theo chương trình ODP và chính-sách nhân tạo của chính-phủ Hoa-Kỳ đối với việc những Sĩ-quan chế độ cũ được chú xét cho tái định-cư ở Mỹ, tôi xin gửi kèm theo thư này hồ-sơ của gia đình tôi để xin chú xét.

Kính thưa Bà! Vì thiện-chí và uy tín của Bà trong vận-tê giúp đỡ nhiều người khác được cấp giấy huấ nhập cảnh vào Hoa-Kỳ, chúng tôi kính nhờ Bà chuyển hồ-sơ này tới văn phòng ODP để chú xét và đồng thời cũng nhờ Bà vận-dòng, can-thiệp với Chính-phủ Hoa Kỳ cấp cho gia đình chúng tôi một giấy huấ nhập cảnh (LOI).

Đây là nguyện vọng chân-thành và tha thiết nhất của chúng tôi, tuy nhiên vì xa xôi và thiếu thôn nhiều tiêu-kiện, chúng tôi kính mong được sự quan tâm giúp đỡ của Bà. Với khả năng và thiện chí của Bà, chúng tôi tin tưởng là nguyện vọng của chúng tôi sẽ được chấp thuận. Nếu có kết

quả, xin Bà vui lòng chuyển về cho chúng
tôi theo địa - chỉ Liên - Lạc sau:

Lê - Thi - Kim - Thu, 116^c c/c Vĩnh Hối
Quân 4, Thành phố Hồ - Chí - Minh.

Sau cùng, xin Bà nhận nơi đây tâm
lòng biết ơn sâu xa của gia - đình chúng tôi.

Kính gởi Bà những lời chúc tốt đẹp nhất.

Kính chào Bà.

T.B. Riêng bản thân tôi thì
tất cả giấy tờ tùy thân,
đặc biệt là ở Lạc trong biên cô
1975. Do đó kính nhờ Bà Liên -
Lạc với cấp cú F. Hunter xin
lại những phó bản (bằng bay,
I.T.O v.v...) để bổ túc vào hồ - sơ
chú xét. Xin gởi bà ít số liệu.

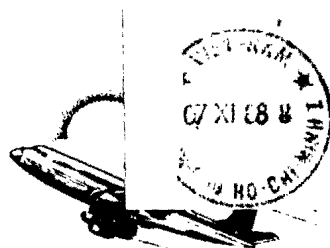
Nguyễn Hữu - Minh.

- Họ và tên: W. O. Nguyễn Hữu Minh.
- Khóa học: 71 - 22 Hoa tiêu trực thăng.
- Thời gian: 2 - 1971 - 2 - 1972.
- Địa chỉ nơi huấn luyện.

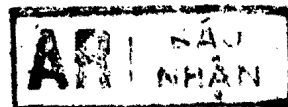
- 1, Lackland AF Base, San Antonio, Texas.
 - 2, F. Wolters, F. Worth, Texas
 - 3, F. Hunter, Savannah, Georgia.
- Trân trọng cảm ơn Bà.

FROM: NGUYỄN HỮU MINH
% Lê Thị Kim Thù
116^c Chung cư Vĩnh Hội Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh
VIỆT NAM

NOV 2 1988

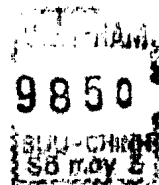


PAR AVION VIA AIR MAIL



R

09 7 1



TO: Mrs KHUẾ MINH THO
PO. Box 5435 ARLINGTON
VA 22205 - 0635

USA